TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HSST
Ngày 21/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoan.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Chính và ông Trần Lê.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Công Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2023/HSST ngày 21/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/QĐXXST-HS ngày 30/5/2023 đối với:

- Bị cáo: **Phan Ngọc D**, sinh năm 1993 tại tỉnh Phú Yên; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn Phú Th, xã Hòa Quang N, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Ngọc A, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1971; anh, chị em: bị cáo có 01 chị và 01 anh; vợ: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 2000; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2016, con nhỏ nhất, sinh năm: 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Hòa Quang N từ ngày 03/02/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm: 2000. Có mặt.

Địa chỉ: khu phố Định Th, thị trấn Phú H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Bà **Nguyễn Thị Khánh D** và ông **Ngô Tấn H –** Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp

pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên. Bà Nguyễn Thị Khánh D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Ngô Tấn H - có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1978;

2. Bà Lê Thị N, sinh năm: 1977;

Đồng địa chỉ: khu phố Định Th, thị trấn Phú H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

3. Ông Phan Ngọc A, sinh năm: 1967;

4. Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1971.

Đồng địa chỉ: thôn Phú Th, xã Hòa Quang N, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2015 (không xác định được ngày), Phan Ngọc D có quen biết với Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày: 29/7/2000 qua mạng xã hội Facebook và nảy sinh tình cảm với D. Từ tháng 10/2015 đến tháng 6/2016, D đã nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với D, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 10/2015, không nhớ ngày cụ thể, D và D đi chơi ở khu vực suối Cô Lan thuộc thôn Phú Th, xã Hòa Quang N, huyện Phú H. Tại đây, D và D đã có hành vi quan hệ tình dục với nhau.

Lần thứ hai: Sau lần quan hệ tình dục lần thứ nhất khoảng 05 ngày (không rõ, ngày, tháng cụ thể) D và D tiếp tục quan hệ tình dục với nhau tại nhà của D tại thôn Phú Th, xã Hòa Quang N, huyện Phú H.

Sau lần quan hệ tình dục lần thứ hai, D và D tiếp tục quan hệ tình dục nhiều lần tại nhiều địa điểm khác nhau ở huyện Phú H. Đến tháng 05/2016, D phát hiện có thai nên ngày 31/6/2016, gia đình D và gia đình D tổ chức đám cưới cho D và D. Trong đêm tân hôn, tại nhà của cha, mẹ D, D và D quan hệ tình dục với nhau 02 lần. Khoảng 03 ngày sau đêm tân hôn, D và D quan hệ tình dục với nhau tại nhà của cha, mẹ D tại khu phố Định Th, thị trấn Phú H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Đến ngày 27/10/2016, D sinh con đặt tên là Nguyễn Bảo n, là con đẻ của D, không phải là con đẻ của D. Ngày 30/11/2018, D và D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú H, huyện Phú H. Đến ngày 08/4/2022, D nộp đơn ly hôn với D tại Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa nhận thấy hành vi của D có dấu hiệu của tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi nên chuyển tin báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Hòa giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Phan Ngọc D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và được bị hại Duyên xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Vật chứng vụ án: không có.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu bị cáo Phan Ngọc D bồi thường 50.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường đủ 50.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSPH ngày 18/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên truy tố Phan Ngọc D về tội: *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"* .

Tại phiên toà:

Bị cáo Phan Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hoà đã truy tố và không oan sai.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu bị cáo D bồi thường 50.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng, nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Về trách nhiệm hình sự: bị hại xin Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả do bị cáo gây ra, tình tiết định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phan Ngọc D phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Ngọc D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hòa Quang N giáo dục, giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX chấp nhận: các khoản bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại D đã tự nguyện thỏa thuận 50.000.000 đồng về khoản bồi thường thiệt hại sức khỏe bị xâm phạm và tổn thất tinh thần, bị cáo đã bồi thường đủ cho bị hại 50.000.000 đồng.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại thống nhất với Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo, hiện nay giữa bị cáo với bị hại vẫn còn hôn

nhân, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo ở ngoài cùng với bị hại làm nuôi các con chung.

Bị hại không tranh luận, bổ sung gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên,Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án không ai khiếu nại gì. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Ngọc D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: khoảng tháng 10/2015 đến tháng 6/2016 trên địa bàn huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Bị cáo Phan Ngọc D có hành vi nhiều lần giao cấu với bị hại Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 29/7/2000, là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi nên đủ yếu tố cấu thành tội *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Phan Ngọc D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã cố ý xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người bị hại Nguyễn Thị Mỹ D, là đối tượng được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của trẻ em, ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển bình thường của trẻ em. Do đó, cần có một hình phạt nghiêm là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải, bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại với số tiền 50.000.000 đồng cho bị hại D, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là quân nhân xuất ngũ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt tương xứng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên HĐXX áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xét xử cho bị cáo hưởng án treo. HĐXX xét thấy: hành vi của bị cáo là là nguy hiểm cho xã hội. Hiện nay, tình trạng xâm hại tình dục đối với người vị thành niên có chiều hướng gia tăng. Mặc khác, tại phiên tòa, bị hại vẫn cương quyết xin ly hôn với bị cáo vì tình cảm vợ chồng không còn, điều này cho thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bị cáo với bị hại trầm trọng, hôn nhân không đạt mục đích, nên cần thiết phải xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung, nên ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa không được HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo bồi thường đủ số tiền theo yêu cầu của bị hại là 50.000.000 đồng về khoản sức khỏe bị xâm phạm và tổn thất tinh thần, bị hại D không yêu cầu gì thêm, HĐXX không xem xét.

[6] Đối với người đàn ông chưa xác định danh tính có quan hệ tình dục với bị hại D một lần vào khoảng tháng 02/2016. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Hòa không xác định đối tượng phạm tội, do đó không có căn cứ để xử lý theo quy định pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa không truy tố là có cơ sở.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Phan Ngọc D phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh**:** Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc D phạm tội: *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 54 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc D 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 590 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại: Bị cáo Phan Ngọc D bồi thường đủ theo yêu cầu cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) về khoản bồi thường sức khỏe bị xâm phạm và tổn thất tinh thần, bị cáo D đã nộp đủ.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Phan Ngọc D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Sở tư pháp;
- Công an huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- Phòng KTNV-THAHS;
- Bị cáo; bị hại;
- Ngươi tham gia tố tụng khác;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hoan